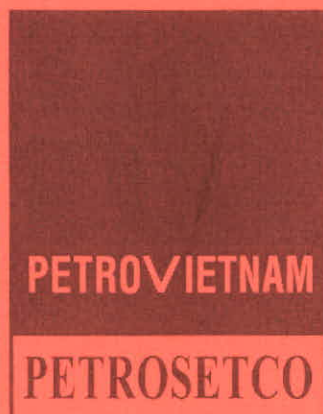


TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty mẹ

QUÝ 1 NĂM 2011

Tháng 04 năm 2011



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110 + 120 + 130 + 140 + 150	100		1,439,239,856,010	1,297,319,863,843
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	165,453,005,817	301,382,733,411
1. Tiền	111		47,017,589,150	173,733,983,411
2. Các khoản tương đương tiền	112		118,435,416,667	127,648,750,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		1,097,771,593,779	869,368,836,589
1. Phải thu khách hàng	131		1,934,145,675	6,265,206,894
2. Trả trước cho người bán	132		18,275,599,906	30,041,979,062
3. Phải thu nội bộ	133		984,064,475,688	809,197,546,757
4. Phải thu theo tiến độ KH HĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	5	99,089,172,510	29,455,903,876
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(5,591,800,000)	(5,591,800,000)
IV. Hàng tồn kho	140		120,398,259,039	73,371,691,101
1. Hàng tồn kho	141	6	120,398,259,039	73,371,691,101
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		55,616,997,375	53,196,602,742
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		54,126,835,613	52,136,024,168
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	7	71,200,711	581,811,263
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,418,961,051	478,767,311
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		976,572,156,854	950,057,676,350
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		18,930,229,527	18,930,229,527
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		18,930,229,527	18,930,229,527
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		130,312,170,332	118,685,434,394
1. Tài sản cố định hữu hình	221		26,335,714,120	13,164,423,011
- Nguyên giá	222	8	50,765,022,895	37,005,175,658
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(24,429,308,775)	(23,840,752,647)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	100,495,127,127	98,568,133,545
- Nguyên giá	228		100,761,649,269	98,808,373,269
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(266,522,142)	(240,239,724)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	3,481,329,085	6,952,877,838
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		489,247,752,162	468,795,043,285
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	396,019,582,059	376,179,582,059
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	16,500,000,000	16,500,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	112,000,000,000	112,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá CK đầu tư dài hạn (*)	259	14	(35,271,829,897)	(35,884,538,774)
V. Tài sản dài hạn khác	260		338,082,004,833	343,646,969,144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	336,812,004,833	339,785,096,073
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16		2,591,873,071
3. Tài sản dài hạn khác	268	17	1,270,000,000	1,270,000,000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,415,812,012,864	2,247,377,540,193

NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		1,245,526,125,997	1,162,822,005,880
I. Nợ ngắn hạn	310		1,223,499,052,521	1,140,261,717,112
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	686,422,779,583	498,653,689,992
2. Phải trả người bán	312		434,295,216,543	525,239,780,557
3. Người mua trả tiền trước	313		19,920,275,494	35,688,038,548
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	5,254,999,634	1,252,237,921
5. Phải trả công nhân viên	315		13,242,489,082	18,719,547,463
6. Chi phí phải trả	316	20	9,407,578,514	1,690,000,000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ KH HĐ XDCB	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	34,951,888,399	36,007,097,360
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		20,003,825,272	23,011,325,271
II. Nợ dài hạn	330		22,027,073,476	22,560,288,768
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	22	21,891,765,527	22,430,229,527
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		135,307,949	130,059,241
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		1,170,285,886,867	1,084,555,534,313
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	1,170,285,886,867	1,084,555,534,313
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		698,420,000,000	698,420,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128,358,940,301	128,358,940,301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		21,375,272,138	21,375,272,138
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(2,812,000,000)	(2,812,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3,037,568,164)	9,620,305,648
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		37,527,327,643	37,527,327,643
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		290,453,914,949	192,065,688,583
11. Quỹ đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG NGUỒN VỐN (300 + 400+ 500)	540		2,415,812,012,864	2,247,377,540,193

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại:				
USD			1,312,065	621
2. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Người lập biểu



Lê Thị Chiến

Kế toán trưởng



Đào Văn Đại

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc



PHÙNG TUẤN HÀ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Mẫu : B 02-DN
 Đơn vị tính: Đồng

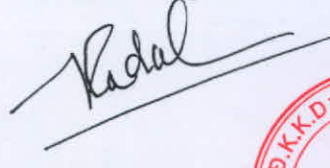
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	
			Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	299,831,916,071	6,566,098,407
2. Các khoản giảm trừ	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	25	299,831,916,071	6,566,098,407
4. Giá vốn hàng bán	11		269,510,681,553	
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		30,321,234,518	6,566,098,407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	43,415,853,112	16,743,081,691
7. Chi phí tài chính	22	27	6,609,370,578	9,234,962,928
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay phải trả</i>	23		7,222,079,455	7,108,809,012
8. Chi phí bán hàng	24		9,240,757,321	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13,575,043,408	8,267,853,895
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		44,311,916,323	5,806,363,275
11. Thu nhập khác	31	28	61,645,753,886	2,706,826,547
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		61,645,753,886	2,706,826,547
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		105,957,670,209	8,513,189,822
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	29	4,977,570,772	263,795,781
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52	16	2,591,873,071	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		98,388,226,366	8,249,394,042

Người lập biểu



Lê Thị Chiến

Kế toán trưởng



Đào Văn Đại

Ngày 26 tháng 04 năm 2011
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	105,957,670,209	8,513,189,822
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	614,838,546	497,622,082
Các khoản dự phòng	03	(612,708,877)	(2,699,217,734)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,519,761,558)	(7,600,000)
Chi phí lãi vay	07	7,222,079,455	7,108,809,012
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động			
Tăng các khoản phải thu	09	(149,387,368,499)	334,254,479,979
Tăng hàng tồn kho	10	(47,026,567,938)	
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(92,734,234,924)	(327,856,017,866)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	2,973,091,240	(10,250,503,658)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4,985,199,094)	(9,095,458,813)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,090,909	466,891,502
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(125,491,446,486)	(127,487,982,144)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(305,988,517,017)	(126,555,787,818)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(11,653,018,356)	(1,243,424,666)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	1,090,909	7,600,000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(296,076,593,851)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11,000,000,000	731,956,993,315
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(34,447,211,044)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	2,518,670,649	16,492,934,055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1,866,743,202	416,690,297,809
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH & mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	775,561,940,509	187,529,419,054
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(607,369,894,288)	(509,528,362,628)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

6. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,082,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	168,192,046,221	(322,003,025,974)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong kỳ	50	(135,929,727,594)	(31,868,515,983)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	301,382,733,411	43,640,504,136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	165,453,005,817	11,771,988,153

Người lập biểu


Lê Thị Chiến

Kế toán trưởng


Đào Văn Đại

Ngày 25 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám đốc



PHÙNG TUẤN HÀ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 09 năm 2006 và giấy đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 9 số : 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp . Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Petro Việt Nam").

Petro Việt Nam hiện đang sở hữu 35.24% vốn điều lệ của Công ty mẹ, các cổ đông khác nắm giữ 64.76% vốn điều lệ còn lại.

Ngày 15 tháng 06 năm 2010 Tổng Công ty chuyển trụ sở từ 12AB Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh đến Lầu 6 Toà nhà Petro VietNam - Số 1-5 Lê Duẩn , Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư , đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất , máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn, phân phối chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp , sản xuất bao bì từ pastic, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí (viết tắt PIMD) theo giấy phép kinh doanh số 0300452060-014 ngày 05 tháng 02 năm 2010

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Niên độ kế toán

Kỳ kế toán quý 1 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 03

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kê toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4% - 20%
Máy móc thiết bị	14.2% - 20%
Phương tiện vận tải	12.5% - 16.7%
Dụng cụ quản lý	25% - 33%
TSCĐ khác	25% - 33%
Tài sản cố định phúc lợi	0%

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Tài sản là quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không xác định không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản trả trước cho tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn. Đây là số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 4.844,36 m² tại Toà nhà Petro Việt Nam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết. Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các công ty con là công ty TNHH một thành viên nếu có lãi sẽ thực hiện kết chuyển lợi nhuận trong năm về Tổng Công ty.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Điều lệ, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

4. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	337,763,919	82285325
Tiền gửi ngân hàng	46,679,825,231	173,651,698,086
Tiền đang chuyển	118,435,416,667	127,648,750,000
	<u>165,453,005,817</u>	<u>301,382,733,411</u>

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	21,181,575,155	
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	46,910,000,000	
Phải thu khác	30,997,597,355	29,439,903,876
	<u>99,089,172,510</u>	<u>29,439,903,876</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Hàng đang đi trên đường		15,870,090,478
Hàng hoá	120,398,259,039	49,414,425,030
Hàng gửi bán		8,087,175,593
	<u>120,398,259,039</u>	<u>65,284,515,508</u>

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	71,200,711	71,200,711
Thuế thu nhập doanh nghiệp		510,610,552
	<u>71,200,711</u>	<u>581,811,263</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải dẫn truyền	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	27,392,945,211	2,380,419,876	4,585,003,835	1,956,371,945	36,314,740,867
Tăng trong kỳ	13,731,983,601			27,863,636	13,759,847,237
- Mua trong kỳ				27,863,636	27,863,636
- ĐT XDCB hoàn thành	13,731,983,601				13,731,983,601
Số cuối kỳ	41,124,928,812	2,380,419,876	4,585,003,835	1,984,235,581	50,074,588,104
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	18,372,347,949	1,846,051,186	2,826,521,167	795,832,345	23,840,752,647
Tăng trong kỳ	251,825,682	49,371,048	134,027,184	153,332,214	588,556,128
- Khấu hao trong kỳ	251,825,682	49,371,048	134,027,184	153,332,214	588,556,128
Số cuối kỳ	18,624,173,631	1,895,422,234	2,960,548,351	949,164,559	24,429,308,775
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- Tại ngày đầu năm	9,020,597,262	534,368,690	1,758,482,668	1,160,539,600	12,473,988,220
- Tại ngày cuối kỳ	22,500,755,181	484,997,642	1,624,455,484	1,035,071,022	25,645,279,329

* Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là : 5 886 303 189 đồng

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	98,337,309,381	471,063,888	98,808,373,269
Tăng trong kỳ	1,913,276,000	40,000,000	1,953,276,000
- Mua trong kỳ	1,913,276,000	40,000,000	1,953,276,000
Số cuối kỳ	100,250,585,381	511,063,888	100,761,649,269
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm		240,239,724	240,239,724
Tăng trong kỳ		26,282,418	26,282,418
- Khấu hao trong kỳ		26,282,418	26,282,418
Số cuối kỳ		266,522,142	266,522,142
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
- Tại ngày đầu năm	98,337,309,381	230,824,164	98,568,133,545
- Tại ngày cuối kỳ	100,250,585,381	511,063,888	100,761,649,269

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
CT TT Dịch vụ DK Dung Quất	1,504,192,779	1,504,192,779
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	1,775,291,000	1,775,291,000
Dự án 63 Đường 30/4, TP VT	201,845,306	
Ct KS Holiday 12 Trương Công Định		3,673,394,059
	3,481,329,085	6,952,877,838

Chi tiết cho phần tăng giảm trong kỳ như sau

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011 VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	6,952,877,838
Tăng trong kỳ	13,079,940,557
Kết chuyển sang tài sản cố định	15,645,259,601
Kết chuyển sang công cụ dụng cụ	906,229,709
Tại ngày 31 tháng 03	3,481,329,085

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 như sau:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PSD") được thành lập trên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 2 số : 0305482862 ngày 12 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Địa chỉ : Lầu 11 – Toà nhà Petro Việt Nam số 1-5 Lê Duẩn , phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là "POTS") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000765 ngày 13 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số : 0304918585 ngày 15 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Địa chỉ : Lầu 2 – Toà nhà Petro Việt Nam số 1-5 Lê Duẩn , phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PST") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003173 ngày 14 tháng 01 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 2 số : 4104003174 ngày 30 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Địa chỉ : 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành , quận 1, TP Hồ Chí Minh

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PSG") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003310 ngày 25 tháng 01 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 05 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (sau đây gọi tắt là "KSHN") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000100 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong kỳ, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng Petro Hà Nội từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), theo đó Petro Hà Nội trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “PSV”) được thành lập tại thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500835690 lần 3 ngày 06 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp trên cơ sở từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu, với số vốn điều lệ 60 tỷ VND, Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng 48 tỷ đồng, **thời điểm hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.**

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Miền Trung (viết tắt PSMT) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 6 số 4300368426 ngày 01 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp, với số vốn điều lệ 107 tỷ VND, trong đó Tổng công ty nắm giữ 66% vốn điều lệ tương ứng 66,34 tỷ VND.

Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVA”) được thành lập theo theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 7 số 0102471424 ngày 18 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ 68 tỷ VND, trong đó Tổng công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng 54,4 tỷ VND, **thời điểm hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.**

Công ty Cổ phần Bao Bì Việt Nam (được viết tắt PSP) thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1900437757 ngày 11 tháng 06 năm 2010 với ngành nghề kinh doanh : *Sản xuất bao bì, bán buôn chất dẻo nguyên sinh, bán buôn phân bón*, trụ sở tại 105 bà Triệu, phường 3, thị xã Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Petrosetco tham gia góp vốn 51%. Công ty CP Bao Bì Việt Nam trở thành công ty con của Petrosetco.

Công ty TNHH PETROSETCO SSG (viết tắt PSSSG) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 0310511124 ngày 13 tháng 12 năm 2010 với ngành nghề kinh doanh : *Bất động sản . Dịch vụ xây dựng, vệ sinh, thương mại VTTB ngành xây dựng, DV khách sạn* Trụ sở tại 92 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP HCM. Petrosetco tham gia góp vốn 51%. Công ty TNHH PETROSETCO SSG trở thành công ty con của Petrosetco và sẽ được hợp nhất báo cáo tài chính kể từ quý 1 năm 2011.

	Vốn điều lệ đã đăng ký 31/03/2011 VND	Số tiền đầu tư vào Công ty con 31/03/2011 VND	Tỉ lệ sở hữu %
Cty TNHH MTV DV Phân phối TH DK (PSD)	92,000,000,000	92,000,000,000	100%
Cty TNHH MTV TM & DV DK Biển (POTS) (i)	30,000,000,000	31,681,662,678	100%
Cty TNHH MTV DV & Thương mại DK (PST)	39,500,000,000	39,500,000,000	100%
Cty TNHH MTV DVTH Sài Gòn DK (PSG)	10,400,000,000	10,400,000,000	100%
Cty TNHH MTV DV TM DK Hà Nội (KSHN) (i)	18,410,685,729	30,362,282,732	100%
Cty CP DVTH Dầu Khí Vũng Tàu (PSV) (i)	60,000,000,000	49,341,999,232	80%
Cty CP TMDV DK Miền Trung (PSMT)	107,000,000,000	66,340,000,000	62%
Cty CP QL & KT Tài sản DK (PVA) (i)	68,000,000,000	60,583,637,417	80%
Cty CP SX Bao Bì Dầu khí VN (PSP)	25,000,000,000	12,750,000,000	51%
Cty TNHH 2TV Petrosetco-SSG (PSSSG)	450,000,000,000	3,060,000,000	51%
	900,310,685,729	396,019,582,059	

(i): Phát sinh lợi thế thương mại khi thực hiện hợp nhất kinh doanh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí (gọi tắt là PV Building) được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300429492 ngày 02/04/2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư Quảng Ngãi cấp. Petrosetco hiện nắm giữ 30% cổ phần tại PV Building.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết Tổng Công ty đã góp đến ngày 31/03/2011

	Vốn điều lệ đăng ký VNĐ	Vốn điều lệ đã góp VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %
- PV. Building	16.500.000.000	16.500.000.000	30%
	16.500.000.000	16.500.000.000	

Thông tin tóm tắt về Công ty liên kết được trình bày như sau :

	Đến ngày 31/03/2011 VNĐ
Tổng tài sản	69,651,277,998
Tổng nợ phải trả	5,154,576,104
Tài sản thuần	64,496,701,894
Phần tài sản thuần trong Công ty LDLK	19,349,010,568

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011 VNĐ
Doanh thu	11,361,990,194
Lợi nhuận thuần	939,126,422
Lợi nhuận thuần và khoản đầu tư vào Công ty LDLK	281,737,927

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Trong năm 2010 Tổng Công ty giảm tỷ lệ góp vốn tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) từ 51% xuống 14%. Số dư tài khoản đầu tư này tại ngày 31/03/2011 là : 112.000.000.000 đồng

14. DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ thương mại Dầu khí	32,886,495,334	32,911,383,009
- Công ty TNHH MTV DV TH Sài Gòn Dầu khí	2,385,334,563	2,973,155,765
	35,271,829,897	35,884,538,774

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
CP trả trước về thuê văn phòng	335,956,121,220	339,785,096,073
CP trả trước khác	855,883,613	
	<u>335,956,121,220</u>	<u>339,785,096,073</u>

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Lãi chênh lệch do đánh giá lại khoản vay ngắn tại ngày 31/12		10,367,492,280
Thuế thu xuất thuế TNDN		25%
		<u>2,591,873,070</u>

17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1,270,000,000	1,270,000,000
	<u>1,270,000,000</u>	<u>1,270,000,000</u>

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Các khoản vay ngắn hạn:		
Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam	5,471,087,611	213,931,600,000
Tổng Cty Tài Chính CP Dầu Khí Việt Nam	619,694,000,000	
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Dương	53,227,413,000	
Ngân hàng Indovina Việt Nam		277,140,531,020
	<u>678,392,500,611</u>	<u>491,072,131,020</u>
Nợ dài hạn đến hạn trả:		
Tổng Cty Tài Chính CP Dầu Khí Việt Nam	7,581,558,972	7,581,558,972
Ngân hàng TMCP Á Châu	448,720,000	
Tổng cộng:	<u>686,422,779,583</u>	<u>498,653,689,992</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,214,484,269	
Thuế thu nhập cá nhân	788,039,414	1,252,237,921
	6,002,523,683	1,252,237,921

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Chi phí phải trả lãi vay	2,236,880,361	
Chi phí phải trả khác	2,521,510,583	1,690,000,000
	4,758,390,944	1,690,000,000

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Kinh phí công đoàn	247,509,540	554,797,820
Bảo hiểm xã hội	197,925	7,890,480
Bảo hiểm y tế		77,610
Bảo hiểm thất nghiệp		51,740
Các khoản phải trả phải nộp khác	35,243,392,631	854,884,001
	35,491,100,096	1,417,701,651

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Ngân hàng Á Châu (ACB)	2,961,536,000	3,500,000,000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	18,930,229,527	18,930,229,527
	21,891,765,527	22,430,229,527

Tại ngày 17 tháng 2 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với số tiền 41.000.000.000 đồng nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88%. Khoản vay có thời hạn vay tối đa là sáu năm và được hoàn trả nửa năm một lần bắt đầu từ năm 2010.

Ngày 20/09/2010 Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi Nhánh Tân Thuận với số tiền 9.700.000.000 đồng để cải tạo sửa chữa khách sạn Holiday Masion tại Vũng Tàu. Khoản vay này bảo đảm Bất động sản số 12 Trương Công Định, TP Vũng Tàu và chịu lãi suất 14% năm lãi suất này được ổn định 3 tháng đầu, lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng một lần. Khoản vay có thời hạn vay 84 tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Số tiền góp VNĐ
Petro Việt Nam	35.24	246,092,850	2,460,928,500,000
Các cổ đông khác	64.76	452,327,150	4,523,271,500,000
	100	698,420,000	6,984,200,000,000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo - Chi tiết biến động của vốn chủ sở hữu)

Chi tiêu	Vốn đầu chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu ký quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2010	554,720,000,000	52,120,798,051	12,669,047,040	(2,335,000,000)	(2,862,486,419)	20,114,877,446	117,426,051,554	751,853,287,672
Tăng trong năm	143,700,000,000	76,238,142,250	8,706,225,098		9,620,305,648	17,412,450,197	185,877,583,448	441,554,706,641
- Phát hành thêm cổ phiếu	143,700,000,000	76,238,142,250						219,938,142,250
- Lãi trong năm			8,706,225,098			17,412,450,197	185,877,583,448	185,877,583,448
- Phân phối quỹ					9,620,305,648			26,118,675,295
- Đánh giá CL tỷ giá cuối kỳ				477,000,000	(2,862,486,419)			9,620,305,648
Giảm trong năm				477,000,000			111,237,946,419	108,852,460,000
- Mua lại cổ phiếu quỹ				477,000,000				477,000,000
- Chia cổ tức							66,244,200,000	66,244,200,000
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá					(2,862,486,419)			(2,862,486,419)
- Phân phối quỹ							44,993,746,419	44,993,746,419
Tại ngày 01/01/2011	698,420,000,000	128,358,940,301	21,375,272,138	(2,812,000,000)	9,620,305,648	37,527,327,643	192,065,688,583	1,084,555,534,313
Tăng trong kỳ					(3,037,568,164)		98,388,226,366	95,350,658,202
- Lợi nhuận trong kỳ							98,388,226,366	98,388,226,366
- Đánh giá CL tỷ giá cuối kỳ					(3,037,568,164)			(3,037,568,164)
Giảm trong kỳ					9,620,305,648			9,620,305,648
- Hoàn nhập tỷ giá đầu kỳ					9,620,305,648			9,620,305,648
Tại ngày 31/03/2011	698,420,000,000	128,358,940,301	21,375,272,138	(2,812,000,000)	(3,037,568,164)	37,527,327,643	290,453,914,949	1,170,285,886,867

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro Vietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ :

	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011 VNĐ	Từ 01/01/2010 đến 31/03/2010 VNĐ
Doanh thu bán hàng	284,222,203,357	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15,609,712,714	6,566,098,407
	<u>299,831,916,071</u>	<u>6,566,098,407</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011 VNĐ	Từ 01/01/2010 đến 31/03/2010 VNĐ
Doanh thu bán hàng	265,973,055,192	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,537,626,361	
	<u>269,510,681,553</u>	

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011 VNĐ	Từ 01/01/2010 đến 31/03/2010 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21,734,200,676	16,492,934,055
Lợi nhuận chuyển từ đơn vị con về	21,321,548,519	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	149,275,269	250,147,636
Lãi bán ngoại tệ	1,030,859,935	
	<u>44,235,884,399</u>	<u>16,743,081,691</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011 VNĐ	Từ 01/01/2010 đến 31/03/2010 VNĐ
Chi phí lãi vay	7,222,079,455	7,108,809,012
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		2,125,453,916
Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn	(612,708,877)	
Chi phí tài chính khác		700,000
	<u>6,609,370,578</u>	<u>9,234,962,928</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 31/03/2010 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1,090,909	7,600,000
LN HĐSX đánh giá lại tài sản	61,644,662,578	
Thu nhập khác	398	2,699,226,547
	61,645,753,885	2,706,826,547

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 31/03/2010 VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	105,957,670,209	8,513,189,822
Trừ: Chuyển lỗ năm trước		7,458,006,700
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	82,966,211,097	
Cộng: CP không được khấu trừ (12.5%)	117,663,983	
Cộng: CP không được khấu trừ (25%)	612,708,877	
Thu nhập chịu thuế	23,721,831,972	1,055,183,122
Thu nhập chịu thuế 12.5%	7,623,097,772	
Thu nhập chịu thuế 25%	16,098,734,200	1,055,183,122
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4,977,570,772	263,795,781

Công ty mẹ có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Giám đốc Công ty mẹ đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007

30. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ 1 năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 25 tháng 04 năm 2011.

Kế toán trưởng

Đào Văn Đại

ĐÀO VĂN ĐẠI

Ngày 25 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám đốc



PHÙNG TUẤN HA